

Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 10 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (9 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	220.000.000	120.950.000	55%	-
1	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	120.950.000	55%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.765.000	9.765.000	100%	
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	9.765.000	9.765.000	100%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.765.000	9.765.000	100%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	220.000.000	111.185.000	51%	-
I	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	111.185.000	51%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.118.000.000	7.419.556.628	57%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.118.000.000	7.419.556.628	57%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.841.000.000	3.873.822.124	66%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.277.000.000	3.545.734.504	49%	
2.1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	190.000.000		0%	
2.2	Chi sự nghiệp Y tế (Loại 130, khoản 134)	153.000.000		0%	
2.3	Thực hiện đề án, dự án, chương trình, kế hoạch được giao (Loại 130, khoản 134)	154.000.000	95.687.520	62%	
2.4	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	6.780.000.000	3.450.046.984	51%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 02 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Lê Hồng Sơn